

TỔNG CTY CN XM VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XM VICEM HẢI VÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 352/XMHV- TCKT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

## THÔNG BÁO

V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân  
Trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 0236. 3842172 Fax: 0236. 3842441  
Người thực hiện công bố thông tin: Trương Văn Tuấn  
Địa chỉ thường trú: Số 09 Lê Độ, TP. ĐN  
Điện thoại: 0905277747/ 0236. 3842529  
**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân xin thông báo về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 của kiểm toán độc lập. Kèm theo BCTC của kiểm toán độc lập và giải trình chênh lệch số liệu.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận :**

- Nhu trên;
- Website;
- Lưu.



**Trương Văn Tuấn**

Số : 353...../XMHV-TCKT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 3 năm 2018

V/v Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau  
kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân  
Trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ - Thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại: 0236.3842172 - 0236.3842529 Fax: 0236.3842441  
Mã chứng khoán: HVX

Căn cứ Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2017 Công ty lập ngày 19 tháng 01 năm 2018 đã công bố thông tin;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ngày 27 tháng 3 năm 2018.

Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân xin giải trình về việc chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2017, trước và sau Kiểm toán soát xét:

**DVT: Đồng**

TT	Chỉ tiêu	Trước soát xét	Sau soát xét	Chênh lệch
1	Tổng doanh thu	814.106.099.199	814.106.099.199	-
2	Tổng chi phí	811.923.557.682	811.223.551.417	700.006.265
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.182.541.517	2.882.547.782	(700.006.265)
4	Chi phí thuế TNDN	802.898.411	2.721.158.499	(1.918.260.088)
5	Lợi nhuận sau thuế	1.379.643.106	161.389.283	1.218.253.823

Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến việc tăng lợi nhuận trước thuế của Công ty từ 2.182.541.517 đồng lên 2.882.547.782 đồng là do điều chỉnh giảm chi phí hỗ trợ thời việc cho người lao động. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 1.918.260.088 đồng chủ yếu tăng do áp dụng theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về việc quy định quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết trong đó quy định tổng chi phí lãi vay được khấu trừ cho mục đích tính thuế không vượt quá 20% chỉ số EBITDA.

Các yếu tố trên chủ yếu đã làm thay đổi lợi nhuận sau thuế năm 2017 trước và sau kiểm toán soát xét.

Trên đây là giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC, TCKT.



*Trần Văn Khôi*

# **Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

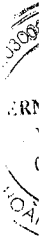
# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

---

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Phụ lục I huyết minh báo cáo tài chính	11 - 45



# **Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

---

## **THÔNG TIN CHUNG**

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 9 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất số 0400101235 được cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và đá xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại số 65, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đăng ký ba chi nhánh là:

- ▶ Nhà máy Xi măng Vạn Ninh tại thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- ▶ Xí nghiệp Tiêu thụ tại tổ 24 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; và
- ▶ Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa Phát tại 185 Lê Trọng Tấn, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch	
Ông Trần Văn Khôi	Thành viên	
Ông Hồ Xuân Thu	Thành viên	
Ông Bùi Việt Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2017
Ông Trịnh Tường	Thành viên	Từ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2017

### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Lệ Hà	Trưởng Ban
Ông Hoàng Xuân Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Trí	Thành viên

## **Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

---

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Văn Bông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Khôi, Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc  
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited      Tel : + 84 24 3831 5100  
8th Floor, CornerStone Building      Fax: + 84 24 3831 5090  
16 Phan Chu Trinh Street              ey.com  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Số tham chiếu: 61119178/19317093

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Building a better  
working world

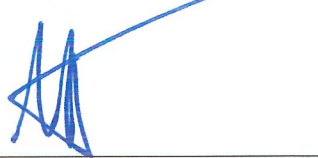
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>242.780.675.179</b>	<b>258.062.081.547</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>34.103.316.812</b>	<b>14.157.737.820</b>
111	1. Tiền		34.103.316.812	14.157.737.820
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>39.688.239.837</b>	<b>117.860.313.860</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	42.170.167.231	113.173.917.933
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	908.725.400	1.439.400.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.769.107.498	14.116.219.423
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 5.2, 6	(11.159.760.292)	(10.869.223.496)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>159.400.773.723</b>	<b>121.690.241.806</b>
141	1. Hàng tồn kho		159.400.773.723	121.690.241.806
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.588.344.807</b>	<b>4.353.788.061</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	7.734.703.024	1.125.000.004
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	1.801.942.840	2.755.555.046
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	51.698.943	473.233.011
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>786.602.872.359</b>	<b>799.152.584.600</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>259.687.797</b>	<b>233.104.055</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		259.687.797	233.104.055
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>704.575.397.651</b>	<b>749.269.480.139</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	700.071.961.627	744.586.094.419
222	Nguyên giá		1.189.447.790.604	1.184.116.426.968
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(489.375.828.977)	(439.530.332.549)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.503.436.024	4.683.385.720
228	Nguyên giá		5.523.713.418	5.523.713.418
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.020.277.394)	(840.327.698)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>38.915.558.632</b>	<b>13.307.518.095</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	38.915.558.632	13.307.518.095
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>42.852.228.279</b>	<b>36.342.482.311</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	42.852.228.279	36.342.482.311
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.029.383.547.538</b>	<b>1.057.214.666.147</b>

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>583.018.271.489</b>	<b>609.227.779.381</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>304.849.865.658</b>	<b>305.487.086.717</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	201.008.984.228	190.321.121.091
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	7.070.346.490	259.099.408
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.018.943.373	685.209.892
314	4. Phải trả người lao động	15	18.996.625.933	21.248.033.302
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	9.495.268.568	10.656.051.409
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	507.402.242	1.806.264.526
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	64.110.161.663	79.668.987.939
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		588.748.030	588.748.030
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.053.385.131	253.571.120
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>278.168.405.831</b>	<b>303.740.692.664</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	277.910.000.000	303.510.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		258.405.831	230.692.664
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>446.365.276.049</b>	<b>447.986.886.766</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>446.365.276.049</b>	<b>447.986.886.766</b>
411	1. Vốn cổ phần		415.252.500.000	415.252.500.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		415.252.500.000	415.252.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(872.834.866)	(872.834.866)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		15.949.797.232	4.233.797.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.035.813.683	29.373.424.400
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		15.874.424.400	17.718.058.625
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		161.389.283	11.655.365.775
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.029.383.547.538</b>	<b>1.057.214.666.147</b>




Người lập  
Trương Văn Tuấn



Phụ trách kế toán  
Trương Văn Tuấn



  
Tổng Giám đốc  
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

02-  
G T  
HH  
YK  
NA  
HAI  
NỘI  
-T

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	854.665.309.495	959.494.060.305
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(44.792.123.590)	(27.535.192.120)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	809.873.185.905	931.958.868.185
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(737.702.449.703)	(828.889.158.883)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		72.170.736.202	103.069.709.302
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		58.819.846	208.273.641
22	7. Chi phí tài chính	21	(30.939.039.814)	(37.277.391.694)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(30.301.318.706)	(37.275.776.295)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(15.460.938.159)	(17.994.767.170)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(25.447.573.203)	(27.480.721.492)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		382.004.872	20.525.102.587
31	11. Thu nhập khác	23	4.174.093.448	2.969.442.213
32	12. Chi phí khác	23	(1.673.550.538)	(3.088.585.843)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		2.500.542.910	(119.143.630)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.882.547.782	20.405.958.957
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(2.721.158.499)	(2.489.593.182)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		161.389.283	17.916.365.775
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3,89	394,67
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	3,89	394,67

Người lập  
Trương Văn TuấnPhụ trách kế toán,  
Trương Văn TuấnTổng Giám đốc  
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>2.882.547.782</b>	<b>20.405.958.957</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		44.980.941.348	48.663.872.019
03	Các khoản dự phòng		318.249.963	1.926.347.622
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(52.664)	(1.364.937)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(58.767.182)	(208.273.641)
06	Chi phí lãi vay	21	30.301.318.706	37.275.776.295
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>78.424.237.953</b>	<b>108.062.316.315</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		79.230.099.759	(31.207.721.817)
10	Tăng hàng tồn kho		(32.666.027.141)	(5.628.421.590)
11	Tăng các khoản phải trả		3.215.879.656	90.253.870.471
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(13.119.448.988)	788.060.173
14	Tiền lãi vay đã trả		(32.245.251.209)	(34.595.294.773)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.501.576.964)	(4.136.338.329)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>81.337.913.066</b>	<b>123.536.470.450</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(20.292.327.644)	(6.042.416.455)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	5.000.000.000
27	Tiền thu từ hoạt động đầu tư		58.767.182	244.172.095
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(20.233.560.462)</b>	<b>(798.244.360)</b>

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		269.935.786.111	567.071.053.769
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(311.094.612.387)	(702.014.220.579)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(41.158.826.276)	(134.943.166.810)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		19.945.526.328	(12.204.940.720)
60	Tiền đầu kỳ		14.157.737.820	26.361.313.603
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		52.664	1.364.937
70	Tiền cuối kỳ	4	34.103.316.812	14.157.737.820



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

Người lập  
Trương Văn Tuấn

Phụ trách kế toán  
Trương Văn Tuấn

Tổng Giám đốc  
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 9 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất số 0400101235 được cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và đá xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 65, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đăng ký ba chi nhánh là:

- ▶ Nhà máy Xi măng Vạn Ninh tại thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- ▶ Xí nghiệp Tiêu thụ tại tổ 24 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; và
- ▶ Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa Phát tại 185 Lê Trọng Tấn, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 505 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 511).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các định chế tài chính khác.

### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ và, phụ tùng thay thế vật tư và phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (theo tháng).  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang     | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền. |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

##### *Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

#### **3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### **3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước dài hạn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn và thay thế vật tư dài hạn;
- ▶ Chi phí giải phóng mặt bằng; và
- ▶ Tiền thuê văn phòng trả trước dài hạn.

##### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất của Công ty. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Phí gia công*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ gia công được thực hiện và Công ty nhận được biên bản bàn giao, nghiệm thu từ khách hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa lãi sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

12-T  
TH  
Y  
VA  
A  
O  
1

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.14 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	137.994.108	577.760.983
Tiền gửi ngân hàng (*)	33.960.818.222	13.575.512.688
Tiền gửi tại công ty tài chính (**)	4.504.482	4.464.149
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.103.316.812</b>	<b>14.157.737.820</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

(\*\*) Đây là khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) với mức lãi suất 1%/năm.

**Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:</b>		
- Mua và sáp nhập doanh nghiệp qua việc phát hành cổ phiếu	-	15.652.500.000
- Bù trừ khoản phải thu về cho vay với nợ phải trả	-	5.000.000.000
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	269.935.786.111	567.071.053.769
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	311.094.612.387	702.014.220.579

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng (*)	36.077.117.726	35.329.783.561
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Đại Việt	4.385.307.548	-
- Công ty TNHH Thịnh Phú Cường	15.315.953.431	6.520.801.927
- Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng	5.713.776.777	5.713.776.778
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.662.079.970	23.095.204.856
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	6.093.049.505	77.844.134.372
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.170.167.231</b>	<b>113.173.917.933</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(6.799.056.703)	(6.827.784.189)

(\*) Công ty đã sử dụng phần lớn các khoản phải thu của khách hàng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng 02/2015-HĐTDHM/NHCT480-VICEM HAI VAN ký ngày 27 tháng 10 năm 2015 có thời hạn đến ngày 27 tháng 10 năm 2018.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải thu khó đòi đầu kỳ	6.827.784.189	4.409.832.014
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	51.272.514	1.937.396.511
Tăng do sáp nhập Công ty Đá Hòa Phát	-	516.906.328
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(80.000.000)	(36.350.664)
Dự phòng phải thu khó đòi cuối kỳ	<b>6.799.056.703</b>	<b>6.827.784.189</b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	908.725.400	939.400.000
- Công ty TNHH FLSMIDTH	200.000.000	-
- Công ty Meta Đà Nẵng	136.125.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị Vật tư & DVKT Trường An	111.276.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Long Biên	-	580.000.000
- Công ty TNHH SGMC Việt Nam	100.000.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Địa chất khoáng sản Duy Đức Hòa	100.000.000	100.000.000
Các khoản trả trước khác	261.324.400	259.400.000
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>908.725.400</b>	<b>1.439.400.000</b>
Dự phòng trả trước khó thu hồi	(31.500.000)	(31.500.000)

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)****5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước khó thu hồi:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số dư dự phòng đầu kỳ	31.500.000	31.500.000
Cộng: Trích lập dự phòng trong kỳ	-	210.000.000
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(210.000.000)
Số dư dự phòng cuối kỳ	<b>31.500.000</b>	<b>31.500.000</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng hợp đồng xây lắp nhà máy Xi măng Hải Vân với Công ty TNHH MTV Xây dựng Quảng Nam trước cổ phần hóa Phải thu Công ty TNHH Thắng Long tiền bán xi măng phục vụ công tác xây dựng trường dân lập Chu Văn An	3.585.012.557	(3.585.012.557)	3.585.012.557	(3.585.012.557)
Cho vay clinker	424.926.750	(424.926.750)	424.926.750	(424.926.750)
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	1.455.166.607	-	8.093.883.120	-
Ký quỹ hoàn nguyên môi trường tại Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa Phát	638.528.564	(319.264.282)	638.528.564	-
Tạm ứng cho nhân viên	588.748.039	-	588.748.039	-
Phải thu khác	161.934.507	-	228.952.910	-
	914.790.474	-	556.167.483	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.769.107.498</b>	<b>(4.329.203.589)</b>	<b>14.116.219.423</b>	<b>(4.009.939.307)</b>
Trong đó:				
Phải thu khác	5.513.937.141	(4.329.203.589)	6.022.336.303	(4.009.939.307)
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	2.255.170.357	-	8.093.883.120	-



**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**7. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng	5.713.776.777	-	5.713.776.777	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Quảng Nam	3.585.012.557	-	3.585.012.557	-
Công ty TNHH Thăng Long	424.926.750	-	424.926.750	-
Các đối tượng khác	1.785.308.489	349.264.281	1.263.295.859	117.788.447
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.509.024.573</b>	<b>349.264.281</b>	<b>10.987.011.943</b>	<b>117.788.447</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.332.349.908	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.451.035.180	-	27.458.279.377	-
Phụ tùng sửa chữa, thay thế	18.025.796.388	-	26.471.797.494	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	106.930.608.266	-	57.797.091.391	-
Thành phẩm	14.194.105.632	-	7.765.572.734	-
Công cụ dụng cụ	542.794.829	-	444.858.010	-
Hàng tồn kho khác	256.433.428	-	420.292.892	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>159.400.773.723</b>	<b>-</b>	<b>121.690.241.806</b>	<b>-</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	498.895.026.080	656.986.895.150	21.715.725.472	6.518.780.266	1.184.116.426.968
- Mua trong năm	-	1.389.863.636	3.440.090.909	501.409.091	5.331.363.636
Số cuối năm	498.895.026.080	658.376.758.786	25.155.816.381	7.020.189.357	1.189.447.790.604
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	13.372.541.263	153.789.323.283	8.906.273.510	4.713.592.721	180.781.730.777
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm (trình bày lại)	146.659.128.502	272.757.267.615	14.943.431.663	5.170.504.769	439.530.332.549
- Khấu hao trong năm	18.358.034.634	29.029.121.071	1.918.343.057	539.997.666	49.845.496.428
Số cuối năm	165.017.163.136	301.786.388.686	16.861.774.720	5.710.502.435	489.375.828.977
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm (trình bày lại)	352.235.897.578	384.229.627.535	6.772.293.809	1.348.275.497	744.586.094.419
Số cuối năm	333.877.862.944	356.590.370.100	8.294.041.661	1.309.686.922	700.071.961.627
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (*)</i>	318.903.985.742	348.080.650.076	3.980.225.525	-	670.064.861.342

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, dây chuyền sản xuất clinker với giá trị còn lại khoảng 670,1 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình và Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng 01/2015/256993/HĐDA ngày 17 tháng 12 năm 2015 có thời hạn đến 17 tháng 12 năm 2027 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/256993/HĐTD ký ngày 1 tháng 7 năm 2015 có thời hạn đến ngày 1 tháng 7 năm 2018 như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỎ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền khai thác mỏ đá vôi</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	5.398.490.788	125.222.630	5.523.713.418
- Tăng trong năm	-	-	-
Số cuối năm	5.398.490.788	125.222.630	5.523.713.418
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	125.222.630	125.222.630
<b>Giá trị hao mòn:</b>			
Số đầu năm	715.105.068	125.222.630	840.327.698
- Hao mòn trong năm	179.949.696	-	179.949.696
Số cuối năm	895.054.764	125.222.630	1.020.277.394
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	4.683.385.720	-	4.683.385.720
Số cuối năm	4.503.436.024	-	4.503.436.024
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (*)</i>	4.503.436.024	-	4.503.436.024

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, quyền khai thác mỏ đá vôi đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình và Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng 01/2015/256993/HĐDA ngày 17 tháng 12 năm 2015 có thời hạn đến 17 tháng 12 năm 2027 như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Dự án phần mềm Oracle	9.063.715.302	9.063.715.302	9.063.715.302	9.063.715.302
Chi phí thăm dò mỏ sét (*)	2.857.656.199	2.857.656.199	2.857.656.199	2.857.656.199
Dự án trạm trung chuyển xi măng tại Quy Nhơn	25.725.490.537	25.725.490.537	117.450.000	117.450.000
Dự án nhà máy Xi măng Thăng Lợi	1.268.696.594	1.268.696.594	1.268.696.594	1.268.696.594
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.915.558.632</b>	<b>38.915.558.632</b>	<b>13.307.518.095</b>	<b>13.307.518.095</b>

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)**

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các chi phí thăm dò mỏ sét đang được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình và Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng 01/2015/256993/HĐDA ngày 17 tháng 12 năm 2015 có thời hạn đến 17 tháng 12 năm 2027 như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn	6.209.703.020	-
Chi phí thuê dây chuyền xi măng	1.525.000.004	1.125.000.004
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.734.703.024</b>	<b>1.125.000.004</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	29.175.359.300	30.039.318.700
Tiền thuê đất trả trước (**)	3.766.328.875	3.894.001.039
Công cụ, dụng cụ xuất dùng dài hạn	9.910.540.104	2.330.858.679
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	78.303.893
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.852.228.279</b>	<b>36.342.482.311</b>

(\*) Đây là tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho 89.297,7m<sup>2</sup> đất theo chủ trương hỗ trợ giải phóng mặt bằng để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng ô nhiễm môi trường xung quanh nhà máy Xi măng Vạn Ninh của Ủy ban Nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Bên cạnh đó, theo Công văn số 1381/VPUBND-KTTH của Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 24 tháng 7 năm 2015, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình đồng ý chủ trương cho Công ty được thuê bổ sung diện tích đất khu vực giải tỏa xung quanh nhà máy để tiếp tục thực hiện dự án nhà máy Xi măng Vạn Ninh. Do đó, vào ngày 2 tháng 10 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất dài hạn số 129/HĐTĐ với Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình để thuê lại tổng diện tích 89.297,7m<sup>2</sup> đất với thời hạn thuê đất từ ngày 12 tháng 10 năm 2016 đến ngày 6 tháng 6 năm 2058.

(\*\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, toàn bộ giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại nhà máy Xi măng Hải Vân đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN****13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	95.380.416.288	95.380.416.288	83.547.328.420	83.547.328.420
- Công ty Cổ phần Lilama 18	12.170.685.300	12.170.685.300	-	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất Nhựa	10.238.294.150	10.238.294.150	5.932.278.250	5.932.278.250
- Công ty Cổ phần Đức Việt 568	9.828.076.103	9.828.076.103	741.431.590	741.431.590
- Công ty TNHH MTV Hùng Trường	4.613.319.185	4.613.319.185	16.504.722.960	16.504.722.960
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI	5.388.449.406	5.388.449.406	10.949.941.875	10.949.941.875
- Phải trả đối tượng khác	53.141.592.144	53.141.592.144	49.418.953.745	49.418.953.745
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	105.628.567.940	105.628.567.940	106.773.792.671	106.773.792.671
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>201.008.984.228</b>	<b>201.008.984.228</b>	<b>190.321.121.091</b>	<b>190.321.121.091</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước	3.032.740.096	3.032.740.096	259.099.408	259.099.408
- Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Nghệ Giang	1.260.940.380	1.260.940.380	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Dịch vụ Thuận Sương	572.855.052	572.855.052	-	-
- Công ty TNHH Xi măng Phúc Hưng	424.113.105	424.113.105	-	-
- Người mua trả tiền trước khác	1.771.799.716	1.771.799.716	259.099.408	259.099.408
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 26)	4.037.606.394	4.037.606.394	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.070.346.490</b>	<b>7.070.346.490</b>	<b>259.099.408</b>	<b>259.099.408</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Giá trị	Số đã nộp trong năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	102.853.588	10.762.432.641	10.058.176.894	807.109.335
Thuế tài nguyên	367.046.230	4.084.302.538	4.183.021.694	268.327.074
Phí bảo vệ môi trường	199.963.560	2.426.170.638	2.476.475.498	149.658.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.721.158.499	1.929.172.390	791.986.109
Các khoản khác	15.346.514	1.359.649.312	1.373.133.671	1.862.155
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>685.209.892</b>	<b>21.353.713.628</b>	<b>20.019.980.147</b>	<b>2.018.943.373</b>

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (trình bày lại)	Số phải thu trong năm	Số đã cần trừ trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.755.555.046	-	953.612.206	1.801.942.840
Phí bảo vệ môi trường	45.637.585	6.061.358	-	51.698.943
Thuế TNDN	427.595.426	-	427.595.426	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.228.788.057</b>	<b>6.061.358</b>	<b>1.381.207.632</b>	<b>1.853.641.783</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	4.683.859.217	6.627.791.720
Tiền điện phải trả	2.117.654.491	2.037.481.220
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	1.522.416.325	-
Chi phí gia công xi măng	-	940.000.000
Chi phí phải trả khác	1.171.338.535	1.050.778.469
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.495.268.568</b>	<b>10.656.051.409</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.495.268.568	8.485.495.853
Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	2.170.555.556

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội	193.051.090	635.326.592
Phải trả tiền giải phóng tàu nhanh	229.979.850	780.000.000
Phải trả chi phí hỗ trợ hộ nghèo	-	200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	84.371.302	190.937.934
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>507.402.242</b>	<b>1.806.264.526</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn khác	507.402.242	1.606.264.526
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	200.000.000

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng (*)	65.668.987.939	65.668.987.939	269.935.786.111	(271.494.612.387)	64.110.161.663	64.110.161.663
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	14.000.000.000	14.000.000.000	-	(14.000.000.000)	-	-
	<b>79.668.987.939</b>	<b>79.668.987.939</b>	<b>269.935.786.111</b>	<b>(285.494.612.387)</b>	<b>64.110.161.663</b>	<b>64.110.161.663</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay ngân hàng (**)	303.510.000.000	303.510.000.000	-	(25.600.000.000)	277.910.000.000	277.910.000.000
	<b>303.510.000.000</b>	<b>303.510.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(25.600.000.000)</b>	<b>277.910.000.000</b>	<b>277.910.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>383.178.987.939</b>	<b>383.178.987.939</b>	<b>269.935.786.111</b>	<b>(311.094.612.387)</b>	<b>342.020.161.663</b>	<b>342.020.161.663</b>

(\*) Đây là các khế ước vay ngắn hạn để thanh toán cho các nhà cung cấp theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/256993/HĐTD ký ngày 1 tháng 7 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình. Lãi suất được xác định trong từng khế ước vay cụ thể và lãi suất của các khế ước hiện tại là từ 5% đến 6%/năm. Thời hạn các khoản vay là 72 ngày kể từ ngày giải ngân và sẽ đáo hạn trước hoặc trong tháng 3 năm 2018. Cũng theo hợp đồng này, các khế ước vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng toàn bộ Dự án đầu tư nhà máy Xi măng Vạn Ninh, toàn bộ tài sản ngắn hạn luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty và toàn bộ số dư tiền gửi, các nguồn thu của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*\*) Chi tiết các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình với tư cách là Ngân hàng Đầu mối, Đại lý nhận tài sản bảo đảm và Bên cho vay, và Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng với tư cách là Bên cho vay.	212.400.000.000	Thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2015 đến ngày 17 tháng 12 năm 2027. Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 1 tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 tháng 2 năm 2016. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 các tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh cộng biên độ từ 2% tới 2,8%/năm. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần vào tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 8,9%/năm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/256993/HDDA với tổng giá trị ước tính là 344.660.000.000 VND bao gồm: Các quyền sử dụng đất được UBND tỉnh Quảng Bình cấp tại Nhà máy Vạn Ninh, Nhà máy Xi măng Vạn Ninh và các hạng mục công trình liên quan đến Dự án Nhà máy Xi măng Vạn Ninh, tất cả quyền lợi ích, các khoản bồi hoàn, bảo hiểm và các khoản thanh toán khác có thể trao đổi thay thế.</li> <li>Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/256993/HDDA với tổng giá trị ước tính là 467.320.000.000 VND bao gồm: các Hợp đồng Được thế chấp, Hợp đồng Bảo hiểm và tiền thu được từ các tài khoản, Máy móc thiết bị, các Công cụ, toàn bộ tài sản, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận, các khoản phải thu khác và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan đến Dự án Nhà máy Vạn Ninh.</li> <li>Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015/256993/HDBD với tổng giá trị ước tính là 1.800.000.000 VND bao gồm: Quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3163/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên môi trường cấp ngày 30/12/2014 và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan.</li> </ul>
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình	20.000.000.000	Thời hạn cho vay là 87 tháng từ ngày 16 tháng 10 năm 2015 đến ngày 1 tháng 11 năm 2022. Trả gốc định kỳ 3 tháng vào các ngày 1 các tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 tháng 2 năm 2016. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 các tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh cộng biên độ từ 2 đến 2,8%/năm. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần vào tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 8,9%/năm.	Vay tín chấp.
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*\*) Chi tiết các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả được trình bày như sau (tiếp theo):

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	45.510.000.000	Thời gian cho vay là 120 tháng từ 29 tháng 12 năm 2015 đến ngày 24 tháng 7 năm 2025. Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 5 tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 bắt đầu từ ngày 5 tháng 3 năm 2016. Lãi vay thanh toán 3 tháng một lần tính từ ngày giải ngân đầu tiên.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh cộng biên độ 2,3%/năm đối với năm thứ 1 và 2,5%/năm đối với các năm tiếp theo. Được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào các tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 9,1%/năm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hải Vân với tổng giá trị ước tính là 127.830.000.000 VND bao gồm: Các tài sản gắn liền với thửa đất Phân xưởng 1, Phân xưởng 2 bao gồm các khu nhà làm việc, nhà nghiên, nhà kho, xi lô.. và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy Xi măng Hải Vân.</li> <li>Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hải Vân với tổng giá trị ước tính là 27.256.000.000 VND bao gồm: các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy Xi măng Hải Vân.</li> <li>Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hải Vân với tổng giá trị ước tính là 3.165.000.000 VND bao gồm: các xe xúc chuyên dụng và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy Xi măng Hải Vân.</li> <li>Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hải Vân với tổng giá trị ước tính là 975.000.000 VND bao gồm: xe ô tô 16 chỗ các thiết bị đi kèm, các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan.</li> <li>Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015-HĐTC/NHCT480-VICEM HAI VAN với tổng giá trị ước tính là 57.469.000.000 VND bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Dây chuyền máy móc thiết bị tại Phân xưởng 2 bao gồm: 1 cụm khí nén, cụm L,M, N, P, hệ thống điều khiển, silo xi măng, silo thạch cao và phụ gia, silo clinker và phễu tiếp liệu;</li> <li>✓ Quyền và lợi ích của công ty phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm;</li> <li>✓ Tất cả quyền tài sản, lợi ích các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán liên quan đến tài sản nêu trên.</li> </ul> </li> </ul>
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	-			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>277.910.000.000</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	-			
Vay dài hạn	277.910.000.000			

**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	399.600.000.000	3.665.134	4.233.797.232	18.538.518.625	422.375.980.991
- Tăng vốn	15.652.500.000	(876.500.000)	-	-	14.776.000.000
- Lỗi chuyển sang từ Công ty Cổ phần Đá Hòa Phát	-	-	-	(6.261.000.000)	(6.261.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(820.460.000)	(820.460.000)
- Lợi nhuận trong năm (trình bày lại)	-	-	-	17.916.365.775	17.916.365.775
Số cuối năm (trình bày lại)	<u>415.252.500.000</u>	<u>(872.834.866)</u>	<u>4.233.797.232</u>	<u>29.373.424.400</u>	<u>447.986.886.766</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm (trình bày lại)	415.252.500.000	(872.834.866)	4.233.797.232	29.373.424.400	447.986.886.766
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	11.716.000.000	(11.716.000.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(1.783.000.000)	(1.783.000.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	161.389.283	161.389.283
Số cuối năm	<u>415.252.500.000</u>	<u>(872.834.866)</u>	<u>15.949.797.232</u>	<u>16.035.813.683</u>	<u>446.365.276.049</u>

(\*) Vào ngày 9 tháng 5 năm 2017, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 16/NQ - ĐHĐCĐ, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trích sử dụng lợi nhuận để lại của năm 2016 để trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.783.000.000 VND và quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 11.716.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**18. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	314.557.600.000	314.557.600.000	-	314.557.600.000	314.557.600.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	100.694.900.000	100.694.900.000	-	100.694.900.000	100.694.900.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	(872.834.866)	(872.834.866)	-	(872.834.866)	(872.834.866)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>414.379.665.134</b>	<b>414.379.665.134</b>	<b>-</b>	<b>414.379.665.134</b>	<b>414.379.665.134</b>	<b>-</b>

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	415.252.500.000	399.600.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	15.652.500.000
Vốn góp cuối kỳ	<b>415.252.500.000</b>	<b>415.252.500.000</b>
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**18.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	41.525.250	415.252.500.000	41.525.250	415.252.500.000
Cổ phiếu đã niêm yết	38.525.250	385.252.500.000	36.960.000	369.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông (*)	38.525.250	385.252.500.000	36.960.000	369.600.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.525.250	415.252.500.000	41.525.250	415.252.500.000
Cổ phiếu phổ thông	41.525.250	415.252.500.000	41.525.250	415.252.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

(\*) 1.565.250 cổ phiếu được phát hành ngày 31 tháng 5 năm 2016 để hoán đổi với toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đá Hòa Phát đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán ngày 25 tháng 12 năm 2017. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, 3.000.000 cổ phiếu, tương ứng với giá trị thương hiệu được góp vốn bởi Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, tạm thời chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>854.665.309.495</b>	<b>959.494.060.305</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán xi măng</i>	829.432.467.873	808.137.315.690
<i>Doanh thu bán clinker</i>	16.756.700.265	118.558.198.404
<i>Doanh thu gia công xi măng</i>	1.816.383.073	21.900.188.612
<i>Doanh thu bán đá xây dựng</i>	4.631.900.801	7.424.629.437
<i>Doanh thu khác</i>	2.027.857.483	3.473.728.162
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(44.792.123.590)</b>	<b>(27.535.192.120)</b>
Chiết khấu thương mại	(44.792.123.590)	(27.535.192.120)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>809.873.185.905</b>	<b>931.958.868.185</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán xi măng</i>	784.640.344.283	780.602.123.570
<i>Doanh thu thuần từ bán clinker</i>	16.756.700.265	118.558.198.404
<i>Doanh thu thuần từ gia công xi măng</i>	1.816.383.073	21.900.188.612
<i>Doanh thu thuần từ thương mại</i>	4.631.900.801	7.424.629.437
<i>Doanh thu khác thuần</i>	2.027.857.483	3.473.728.162
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 26)</i>	146.188.096.928	281.437.253.826
<i>Doanh thu thuần khác</i>	663.685.088.977	650.521.614.359

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán xi măng	713.277.465.021	692.309.484.136
Giá vốn bán clinker	17.455.302.781	109.500.359.739
Giá vốn gia công xi măng	1.784.000.883	15.769.516.463
Giá vốn hàng thương mại	4.783.396.518	9.138.697.172
Giá vốn khác	402.284.500	2.171.101.373
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>737.702.449.703</b>	<b>828.889.158.883</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	30.301.318.706	37.275.776.295
Chiết khấu thanh toán	623.918.500	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.802.608	1.615.399
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>30.939.039.814</u></b>	<b><u>37.277.391.694</u></b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	9.155.870.638	11.153.233.188
Chi phí tư vấn bán hàng	1.978.357.562	2.664.418.733
Chi phí quảng cáo	1.563.917.866	1.502.649.224
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ	844.220.206	1.517.957.108
Chi phí bán hàng khác	1.918.571.887	1.156.508.917
	<b><u>15.460.938.159</u></b>	<b><u>17.994.767.170</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí lương quản lý	15.958.799.719	14.754.396.025
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	290.536.796	1.901.045.847
Chi phí tư vấn quản lý doanh nghiệp	1.978.357.562	2.664.418.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.248.869.383	4.789.684.114
Chi phí khấu hao	813.204.108	1.016.491.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.157.805.635	2.354.684.842
	<b><u>25.447.573.203</u></b>	<b><u>27.480.721.492</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>40.908.511.362</u></b>	<b><u>45.475.488.662</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Nhận tiền đền bù cầu cảng Liên Chiểu	1.796.135.000	-
Tiền thưởng giải phóng tàu sớm	97.354.719	382.631.472
Thu nhập khác	2.280.603.729	2.586.810.741
	<b>4.174.093.448</b>	<b>2.969.442.213</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí thiệt hại do thiên tai không được bồi thường	-	1.459.330.526
Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.305.563.553	1.213.824.361
Các khoản phạt	297.986.985	278.104.322
Các khoản khác	70.000.000	137.326.634
	<b>1.673.550.538</b>	<b>3.088.585.843</b>
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b>2.500.542.910</b>	<b>(119.143.630)</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	540.583.914.844	545.413.294.590
Chi phí nhân công	65.514.562.906	73.471.951.586
Chi phí khấu hao và hao mòn	48.719.882.569	47.536.677.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.501.612.735	116.262.643.993
Chi phí khác	37.450.810.309	44.391.292.553
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>826.770.783.363</b>	<b>827.075.860.380</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)****25.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.721.158.499	2.489.593.182
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.721.158.499</b>	<b>2.489.593.182</b>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.882.547.782</b>	<b>20.405.958.957</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	576.509.556	4.081.191.791
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>2.144.648.943</i>	<i>278.043.518</i>
Thù lao Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh	31.680.000	18.480.000
Tiền phạt thuế	59.597.397	55.620.864
Dự phòng phải thu khó đòi	63.852.856	-
Khấu hao máy móc thiết bị ngừng hoạt động	261.112.711	-
Chi phí lãi vay không được trừ	1.714.405.979	-
Lỗ ghi nhận từ Đá Hòa Phát trong tháng 7 năm 2016	-	97.250.190
Các chi phí không được khấu trừ khác	14.000.000	106.692.464
Lỗ được bù trừ vào thu nhập chịu thuế	-	(1.869.642.127)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>2.721.158.499</b>	<b>2.489.593.182</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	15.794.808.000	1.580.000.000
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	2.000.000.000	9.551.436.905
		Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp và phí tư vấn bán hàng (*)	3.956.715.124	5.328.837.466
		Thanh toán phí tư vấn, gia hạn phần mềm	7.982.446.742	2.298.726.698
		Trả tiền lãi vay ngắn hạn	1.230.555.556	1.200.000.000
		Phí nhãn hiệu	359.699.616	-
		Chi phí hỗ trợ huyện nghèo	-	200.000.000
		Thanh toán tiền hỗ trợ huyện nghèo	200.000.000	-
		Bán xi măng	-	256.579.500
		Tiền hỗ trợ trợ cấp thất nghiệp	800.000.000	-
		Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cho vay thạc cao
Bán xi măng	507.699.385			-
Mua nguyên vật liệu	20.020.444.828			16.249.442.410
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	12.000.000.000			4.000.000.000
		Bù trừ công nợ	558.469.475	
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công	-	499.636.323
		Nhận tiền phí gia công xi măng	-	2.917.258.895
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ gia công xi măng	1.233.302.466	5.038.108.937
		Phí gia công xi măng	5.832.772.451	6.963.522.724
		Chi phí vận chuyển xi măng	-	1.947.391.908
		Mua xi măng thương mại	-	777.954.545
		Nhận tiền phí gia công xi măng	6.000.000.000	2.603.882.200
		Chi phí trả hộ bên liên quan	143.636.473	
		Chuyển trả tiền mua xi măng	-	1.000.000.000
Bù trừ công nợ	1.514.632.050	2.938.035.600		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Trả tiền vận chuyển xi măng	1.289.774.500	-



**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân**Số 65, Nguyễn Văn Cừ,  
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	36.397.159.045	-
		Cung cấp dịch vụ gia công xi măng	710.260.198	13.673.607.239
		Bán clinker	8.997.617.920	118.558.198.404
		Thu tiền phí gia công xi măng	5.000.000.000	2.000.000.000
		Thu tiền bán clinker	15.000.000.000	40.000.000.000
		Bù trừ công nợ	51.918.016.752	48.707.020.166
		Mua xi măng	-	1.936.027.606
		Cho vay clinker	1.953.580.215	10.286.999.001
		Nhập mua clinker	10.787.478.000	42.343.081.636
		Nhận clinker trả vay	10.491.710.016	4.897.101.668
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí vận chuyển xi măng	665.581.025	-
		Mua vật tư	8.142.333.454	48.405.045.200
		Bù trừ công nợ	9.733.150.660	60.874.842.803
		Chuyển trả tiền mua vật liệu	-	1.500.000.000
		Bán xi măng	134.739.216.959	140.567.034.231
		Thu tiền bán xi măng	153.029.330.233	85.400.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	124.703.555.485	109.309.898.196
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	161.959.165.021	65.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Nhập mua clinker	4.968.148.001	1.396.827.727
		Phí gia công xi măng	25.260.181.818	940.000.000
		Thanh toán phí gia công	26.000.000.000	-
		Chuyển trả tiền mua clinker	1.500.000.000	1.536.510.500
Nhà máy vật liệu chịu lửa kiểm tính Việt Nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	3.517.020.000	7.286.915.400
		Chuyển trả tiền mua vật liệu	2.000.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua xi măng thương mại	-	9.160.909.098
		Chuyển trả tiền mua xi măng thương mại	-	4.000.000.000
		Bù trừ công nợ	-	550.000.000
		Phí gia công xi măng	1.832.727.274	-
		Thanh toán phí gia công	4.000.000.000	--
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Chi phí tư vấn	578.975.516	-
		Thanh toán phí tư vấn	78.975.516	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ gia công xi măng	-	2.804.727.272
		Nhận tiền gia công xi măng	-	5.145.600.000
		Mua tài sản	750.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Lãi tiền gửi	34.005	33.948
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Trả tiền vở bao xi măng	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Thắng Lợi	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền chuyển nhượng nhà máy Áng Sơn II	2.000.000.000	7.000.000.000

(\*) Đây là khoản phí phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - Công ty mẹ của Công ty để thực hiện tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh và tư vấn hỗ trợ bán hàng, với mức phí là 0,25% doanh thu xi măng và 0,1% doanh thu clinker (năm 2016: 0,3% doanh thu xi măng và 0,1% doanh thu clinker). Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí nêu trên trong kỳ báo cáo.

Công ty bán hàng cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty. Công ty mua hàng và dịch vụ từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền bán clinker và gia công xi măng	6.093.049.505	67.332.403.257
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền bán xi măng	-	10.511.731.115
			<b>6.093.049.505</b>	<b>77.844.134.372</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</b>				
Công ty Tư vấn đầu tư phát triển xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tạm ứng lập báo cáo khảo sát	-	500.000.000
			<b>-</b>	<b>500.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cho vay clinker	-	8.093.883.120
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cho vay thạch cao	1.455.166.607	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu tiền trợ cấp thất nghiệp	800.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Lãi tiền gửi dự thu	3.750	-
			<b>2.255.170.357</b>	<b>8.093.883.120</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</b>				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	30.455.634.029	55.240.888.017
Công ty Cổ phần Vicem thạch cao xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	23.328.692.011	13.864.672.176
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp và tư vấn bán hàng, mua nguyên vật liệu	21.860.345.013	9.720.446.742
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công và mua xi măng thương mại	5.621.138.147	6.719.720.496
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền tài trợ quảng cáo	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi	Cùng chung chủ sở hữu	Mua xi măng và phí gia công xi măng	4.093.000.000	6.077.000.000
Nhà máy vật liệu chịu lửa kiểm tính Việt Nam	Cùng chung chủ sở hữu	Tiền chuyển nhượng nhà máy Ấng Sơn II	4.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	7.184.328.940	5.315.606.940
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền vận chuyển xi măng	-	1.289.774.500
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	995.683.800	1.995.683.800
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công	2.824.783.199	-
		Mua nguyên vật liệu	3.964.962.801	-
		Mua tài sản	750.000.000	-
			<b>105.628.567.940</b>	<b>106.773.792.671</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)</b>				
Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Ứng trước tiền mua xi măng	4.037.606.394	-
			<b>4.037.606.394</b>	-
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Lãi vay phải trả	-	1.230.555.556
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	-	940.000.000
			-	<b>2.170.555.556</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả tiền hỗ trợ huyện nghèo	-	200.000.000
			-	<b>200.000.000</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	350.286.000	348.140.000
Lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	1.565.027.728	1.657.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.915.313.728</b>	<b>2.005.140.000</b>

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU** (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	161.389.283	17.916.365.775
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.783.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	161.389.283	16.133.365.775
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	41.525.250	40.877.708
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,89	394,67
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3,89	394,67

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ - ĐHCĐ ngày 9 tháng 5 năm 2017, các điều chỉnh liên quan đến lợi nhuận của năm 2016 theo kết quả Thanh tra Bộ Tài chính cho năm 2016. Lợi nhuận thuần sau thuế đã điều chỉnh hồi tố như được trình bày trong Thuyết minh số 31.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

**28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty chỉ có một khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam.

Đồng thời, Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG*****Cam kết thuê hoạt động***

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các cam kết liên quan đến các khoản tiền thuê đất, phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

***Hợp đồng thuê đất tại nhà máy Xi măng Vạn Ninh***

Ngày 28 tháng 10 năm 2013, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất số 147/HĐTĐ, 148/HĐTĐ, 149/HĐTĐ, 150/HĐTĐ và 151/HĐTĐ với bên cho thuê đất là UBND tỉnh Quảng Bình, đại diện là Sở Tài nguyên và Môi trường, về việc thuê các thửa đất số 309 (149.781 m<sup>2</sup>), số 311 và 312 (10.300 m<sup>2</sup>), số 320 (20.137,3 m<sup>2</sup>), số 321 (5.414,3 m<sup>2</sup>), với thời gian thuê đất từ năm 2013 tới năm 2060. Theo Quyết định số 21/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Quảng Bình, Công ty được miễn tiền thuê đất đối với các thửa đất số 309, 311 và 312 đến hết tháng 12 năm 2018, được miễn tiền thuê đất đối với các thửa đất số 320 và 321 đến hết tháng 8 năm 2020. Tiền thuê đất các năm tiếp theo sẽ được thực hiện theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Quảng Bình ấn định tại năm phát sinh.

***Hợp đồng thuê đất tại nhà máy Xi măng Hải Vân***

Theo hợp đồng số 05/2007/HĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 1 năm 2007, Phụ lục hợp đồng số 05/2011/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 7 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 6 năm 2013 giữa Công ty và bên cho thuê đất là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng, Công ty đã thuê 27.426m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất 39 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 1 tháng 1 năm 2045 và đơn giá thuê đất là 4.830 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo phụ lục 09A/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 là 2.520 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Toàn bộ tiền thuê đất 39 năm đã được Công ty trả trước một lần và phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng được trả hàng năm theo đơn giá trên.

Theo hợp đồng số 03/2009/HĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty và bên cho thuê đất là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng, Công ty đã thuê diện tích đất 11.425 m<sup>2</sup> tại vị trí lô G, đường số 3, Khu Công nghiệp Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất 38 năm từ ngày 10 tháng 4 năm 2009 đến ngày 10 tháng 4 năm 2047. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo phụ lục hợp đồng số 09B/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 là 4.200 đồng/m<sup>2</sup>/năm.

***Hợp đồng thuê nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng tại nhà máy Xi măng Vạn Ninh***

Theo hợp đồng số 01/2014/HĐKT ngày 8 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH XNK Máy móc và Thiết bị Trường Giang, Công ty đã thuê lại toàn bộ nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng PCB30 và PCB40 (đồng bộ), với công suất máy nghiền 7-9 tấn/giờ, năng suất tương đương 45.000 tấn/năm. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 10 năm từ ngày 1 tháng 2 năm 2015 (ngày bàn giao nhà xưởng và dây chuyền nghiền). Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng với mức phí 4,3 tỷ VND/năm trong 5 năm đầu tiên và 3,5 tỷ VND/năm trong 5 năm tiếp theo.

***Lợi nhuận cam kết theo hợp đồng hợp tác đầu tư***

Ngày 1 tháng 5 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 211/XM/2017/02 với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn để hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Kho trung chuyển và đóng bao xi măng tại Cảng Quy Nhơn, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Theo đó, việc hợp tác đầu tư của các bên không hình thành pháp nhân mới và Công ty sẽ phân chia một khoản lợi nhuận cố định tối thiểu hàng năm cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn với số tiền là 469.800.000 VND. Hợp đồng này có thời hạn là 10 năm từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 đến ngày 30 tháng 4 năm 2027.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

**31. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số liệu đã được trình bày trước đây	Điều chỉnh	Trình bày lại
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	[2] (829.079.674.370)	190.515.487	(828.975.788.883)
Chi phí bán hàng	[1] (17.908.137.170)	(86.630.000)	(17.994.767.170)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	[3] (2.468.816.085)	(20.777.097)	(2.489.593.182)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>			
Lợi nhuận trước thuế	[4] 20.302.073.470	103.885.487	20.405.958.957
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	[2] 48.854.387.506	(190.515.487)	48.663.872.019
Tăng các khoản phải thu	[1] (31.294.351.817)	86.630.000	(31.207.721.817)

[1] Ghi nhận giảm thuế GTGT được khấu trừ với số tiền 86.630.000 VND;

[2] Điều chỉnh giá trị hao mòn lũy kế do thay đổi thời gian khấu hao một số tài sản với số tiền 190.515.487 VND;

[3] Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tương ứng với các điều chỉnh nêu trên với số tiền là 20.777.097 VND;

[4] Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 tương ứng với các điều chỉnh nêu trên.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập  
Trương Văn Tuấn



Phụ trách kế toán  
Trương Văn Tuấn




Tổng Giám đốc  
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018